

ĐẶC ĐIỂM PHÁT ÂM TỔ HỢP PHỤ ÂM Ở CÁC NHÓM NGƯỜI VIỆT NÓI TIẾNG ANH

NGUYỄN ĐẶNG NGUYỆT HƯƠNG *

Tóm tắt: Nghiên cứu được tiến hành với phát âm tổ hợp phụ âm tiếng Anh của 48 nghiệm viên người Việt ở trình độ C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu và 12 nghiệm viên người Mỹ. Ngoài nhóm nghiệm viên bản ngữ, các nghiệm viên người Việt Nam được chia về các nhóm dựa trên việc họ có thời gian học ở nước ngoài hay không và thời lượng sử dụng tiếng Anh hàng ngày tại thời điểm nghiên cứu, để từ đó đưa ra những so sánh đối chiếu về phát âm tổ hợp phụ âm ở vị trí đầu và cuối âm tiết với phát âm của nhóm bản ngữ và các phát âm trong *Cambridge Advanced Learner's Dictionary*. Kết quả cho thấy có khá nhiều sự khác biệt về tỉ lệ lệch chuẩn giữa các nhóm nghiệm viên người Việt và giữa các nhóm đó với nhóm người bản ngữ.

Từ khóa: Phát âm, tổ hợp phụ âm, người Việt nói tiếng Anh.

Abstract: The focus of the research was on the pronunciation features of consonant clusters among 48 Vietnamese informants at C1 level of English according to the Common European Framework of Reference for Languages and 12 American informants. The Vietnamese informants were divided into four groups basing on their education (domestic or international) and time of English using per day. The pronunciation of consonant clusters (at the beginning and ending positions) among these informants were then compared to that of the native informants' group and in the *Cambridge Advanced Learner's Dictionary*. The result shows some distinctive differences among the Vietnamese groups

themselves and with the American one in terms of consonant clusters pronunciation.

Keywords: Pronunciation, consonant clusters, English-speaking Vietnamese.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, khi mọi quốc gia trên thế giới đều đang đối mặt với xu hướng toàn cầu hóa, Việt Nam cũng không phải là một trường hợp ngoại lệ khi đang từng bước mở cửa và hội nhập trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Điều đó đòi hỏi người Việt phải sử dụng ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng một cách rộng rãi để giao lưu và hội nhập. Theo báo cáo chỉ số thông thạo Anh ngữ (English Proficiency Index) (*EF Education First*, 2018), Việt Nam đứng thứ 41 trong bảng tổng kết và là một trong những quốc gia tiến bộ nhanh nhất trên toàn cầu về khả năng sử dụng tiếng Anh. Người Việt càng ngày càng quan tâm đến việc học tiếng Anh hơn và việc sử dụng tiếng Anh đã trở thành một kỹ năng bắt buộc phải có trong thời đại mới.

Do tiếng Việt và tiếng Anh là hai ngôn ngữ khác nhau về loại hình, khi giao tiếp

* TS - Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: huongndn@vnu.edu.vn

bằng tiếng Anh, người Việt thường gặp khá nhiều vấn đề về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng,... Trong quá trình học tập, giảng dạy ngoại ngữ này cho học viên, tác giả nhận thấy học viên người Việt gặp khó khăn trong việc cảm nhận và sử dụng ngôn ngữ sao cho đúng với chuẩn của người bản ngữ. Nhiều ý kiến cho rằng, người Việt khi được sinh sống và học tập tại nước ngoài chắc chắn sẽ nói tiếng Anh chuẩn hơn những người sinh sống và học tập ở trong nước, từ đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập trong môi trường ngoại quốc. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng những khó khăn trong việc học tập phát âm tiếng Anh có lẽ chỉ có thể được khắc phục bằng sự dày công rèn giũa trên cơ sở một sự nghiên cứu, phân tích và so sánh khoa học về những nét tương đồng và khác biệt có tính bản chất thể hiện được các đặc trưng có ý nghĩa bản sắc riêng của hai ngôn ngữ này về hệ thống âm vị và cấu trúc âm tiết.

2. Cơ sở lý luận

Để xác lập cơ sở lý luận cho nghiên cứu của mình, tác giả đã dựa trên lý thuyết về đặc điểm âm tiết tiếng Anh - tiếng Việt, lý thuyết về phụ âm và tổ hợp phụ âm, lý thuyết về phát âm, ngôn ngữ học đối chiếu, lý thuyết về lỗi và phân tích lỗi. Đây đều là những lý thuyết cơ bản để tiến hành các bước nghiên cứu.

Phần đầu tiên trong cơ sở lý thuyết bàn đến đặc điểm âm tiết tiếng Anh cũng như tiếng Việt, tập trung vào ba mảng chính là đặc điểm ngữ âm - âm vị học cơ bản của âm tiết; cấu trúc âm tiết và kiểu loại âm tiết. Đây sẽ là nền tảng lý thuyết thể hiện sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, từ đó giúp lý giải nguyên nhân gây ra các vấn đề về phát âm tiếng Anh của người Việt. Các nghiên cứu của Đoàn Thiện Thuật [8]; Cù Đình Tú,

Hoàng Văn Thung, Nguyễn Nguyên Trứ [9]; Nguyễn Quang Hồng [3] đề cập rất rõ các đặc điểm của âm tiết tiếng Việt với các âm vị đoạn tính và siêu đoạn tính. Trong khi các nghiên cứu của Daniel và James [14] tập trung đến việc cấu trúc âm tiết của tiếng Anh khá lỏng lẻo, ranh giới âm tiết không rõ ràng. Theo phân tích của McCully [17], trong khi tiếng Việt chủ yếu là các từ đơn tiết, do một âm tiết tạo thành, thì tiếng Anh lại nhiều tổ hợp đa âm tiết, một từ có thể gồm một hay nhiều âm tiết.

Lý thuyết về phụ âm và tổ hợp phụ âm tập trung khái quát định nghĩa phụ âm, phân tích cụ thể hệ thống phụ âm của tiếng Anh (Crystal [13]; Ladefoged và Johnson [16]) và tiếng Việt (Đoàn Thiện Thuật [8]; Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến [1]), tìm ra điểm tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống này rồi đi sâu vào riêng trường hợp tổ hợp phụ âm tiếng Anh. Đặc điểm về tính thanh, vị trí cấu âm, phương thức cấu âm của các phụ âm trong hai hệ thống ngôn ngữ sẽ là căn cứ để mô tả đặc điểm tổ hợp phụ âm tiếng Anh ở người Việt nói tiếng Anh.

Lý thuyết về ngôn ngữ học đối chiếu giúp hiểu rõ khái niệm và vai trò của ngôn ngữ học đối chiếu - phương pháp nghiên cứu khả dụng để tìm ra đặc điểm tương đồng và khác biệt trong phát âm của cả hai ngôn ngữ. Các nghiên cứu đi sâu vào định nghĩa ngôn ngữ nguồn - ngôn ngữ đích, giao thoa ngôn ngữ; sau đó tập trung vào nguyên tắc cũng như quy trình đối chiếu nói chung (Lê Quang Thiêm [7]; Bùi Mạnh Hùng [4]). Cuối cùng, nghiên cứu đề cập đến vai trò của Ngôn ngữ học đối chiếu với việc giảng dạy và học tập ngoại ngữ nói chung để qua đó nhấn mạnh thêm vai trò của Ngôn ngữ học đối chiếu trong các tình huống dạy và học cụ thể.

Do nghiên cứu này tập trung vào nghiên cứu đặc điểm phát âm tổ hợp phụ âm tiếng Anh của người Việt, lý thuyết về lỗi cũng là cơ sở lý luận khá quan trọng vì đây chính là một trong những điểm đặc biệt tạo nên những nét riêng biệt của biến thể phát âm. Liên quan đến nghiên cứu về lỗi, tác giả nhận thấy có hai khuynh hướng: khuynh hướng phân tích đối chiếu (contrastive analysis) và khuynh hướng phân tích lỗi (error analysis). Nghiên cứu sử dụng phương pháp ngữ âm thực nghiệm, đề cập đến các khái niệm trong Ngữ âm học thực nghiệm với các đặc trưng vật lý, đặc điểm và phương thức cấu âm (ba thành tố cơ bản trong quá trình tạo âm thanh lời nói: cơ cấu luồng hơi, thức tạo thanh và cấu âm).

3. Phạm vi và đối tượng của nghiên cứu

3.1. Phạm vi

Nghiên cứu này tập trung vào việc phát âm tổ hợp phụ âm tiếng Anh do người Việt có trình độ tiếng Anh C1 theo Khung tham chiếu châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages - CEFR) phát âm. Người Việt được lựa chọn là những người thuộc phương ngữ Bắc Bộ. Đây đều là những người đã học và đang sử dụng tiếng Anh trong đời sống và giao tiếp.

Để tìm hiểu đặc điểm khác biệt, đối tượng tiếng Anh mà nghiên cứu tập trung sử dụng là tiếng Anh Mỹ chuẩn (Standard/General American English) với các phát âm được ghi nhận trong *Cambridge Advanced Learner's Dictionary* [18]. Các phát âm của người bản ngữ được sử dụng để đối chiếu là các phát âm của người sinh sống ở khu vực New York.

3.2. Đối tượng

Đối tượng của nghiên cứu là các cách phát âm các tổ hợp phụ âm tiếng Anh của 48 thí nghiệm viên người Việt gồm cả nam và

nữ, nói phương ngữ Bắc Bộ, có tiếng Anh ở trình độ C1. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phát âm của 12 thí nghiệm viên người Mỹ, sử dụng tiếng Anh tiêu chuẩn của người Mỹ (Standard/General American English).

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích âm học qua quan sát, phân tích, mô tả đặc trưng cấu âm âm học bằng thính giác và phương pháp phân tích âm học nhờ khí cụ hỗ trợ. Ngoài ra, khi đối chiếu với các phát âm chuẩn, các phương pháp của Ngôn ngữ học đối chiếu cũng đã được tiến hành.

4.1. Phương pháp miêu tả ngữ âm - âm vị học bằng cảm thụ thính giác

Nghiên cứu một mặt dựa vào kết quả nghiên cứu ngữ âm - âm vị học tiếng Việt và tiếng Anh của các tác giả đi trước; mặt khác, kết hợp giữa phương pháp quan sát, cảm thụ chủ quan bằng thính giác của người nói tiếng Anh bản ngữ về các đặc trưng và các nét khu biệt ngữ âm - âm vị học giữa hai ngôn ngữ Việt, Anh. Vì nhiệm vụ chính của nghiên cứu là miêu tả các đặc điểm phát âm tiếng Anh nên tác giả miêu tả các đối tượng ngôn ngữ ở góc độ ngữ âm học hơn là âm vị học.

4.2. Phương pháp ngữ âm thực nghiệm

4.2.1. Xây dựng bảng từ

Các từ được lựa chọn trong bảng từ khảo sát là những từ đơn âm tiết. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào phát âm tổ hợp phụ âm trong từ một âm tiết chứ không đi sâu vào các trường hợp đa âm tiết. Bảng từ được xây dựng với các từ đơn tiết để kiểm tra các phát âm tổ hợp phụ âm ở vị trí đầu âm tiết và cuối âm tiết. Bối cảnh phát âm được khảo sát là hai: từ đơn lẻ và từ trong ngữ lưu.

Ở vị trí đầu âm tiết, có hai trường hợp là tổ hợp 2 phụ âm và tổ hợp 3 phụ âm. Ở vị trí

cuối âm tiết, có ba trường hợp là tổ hợp 2 phụ âm, tổ hợp 3 phụ âm và tổ hợp 4 phụ âm.

Các từ được lựa chọn phần lớn đều là từ đơn âm tiết, các nguyên âm trong âm tiết là nguyên âm trung tính. Với trường hợp các từ phát âm trong ngữ lưu, vị trí các từ được lựa chọn đều là vị trí giữa cụm từ hoặc câu ngắn, khoảng 4 đến 6 âm tiết. Đây đều là những ví dụ được lấy từ *Từ điển Cambridge (Cambridge Dictionary)* [19] trực tuyến.

Các từ được lựa chọn để đưa vào bảng từ được dựa trên cấu trúc vị trí của các tổ hợp phụ âm tiếng Anh. Cụ thể là:

Trường hợp tổ hợp 2 phụ âm đầu âm tiết

/bl-/ black There's a **black** car.

/ʃm-/ schmaltz

Well, **schmaltz** is chicken fat.

/mw-/ muesh

One **Muesh** family's here.

/lj-/ lure It's a **lure** for girls.

/sv-/ svelte

She was **svelte** and sophisticated.

Trường hợp tổ hợp 3 phụ âm đầu âm tiết

/spl-/ splay The petals **splay** out.

/str-/ string A **string** of onions

/skw-/ square The **square** is there.

/smj-/ smew The **smew** is a duck.

Trường hợp tổ hợp 2 phụ âm cuối âm tiết

/-ðd/ bathed She **bathed** the baby.

/-tʃt/ watched She **watched** that film.

/-ndʒ/ range Grammatical **range** is important.

/-pθ/ depth

I see the **depth** of the problems.

/-lm/ realm the **realm** of chemistry

Trường hợp tổ hợp 3 phụ âm cuối âm tiết

/-kts/ protects He **protects** me well.

/-fθs/ fifths Circle of **fifths** in music

/-lnz/ kilns The **kilns** or the ovens.

/-ntʃt/ wrenched He **wrenched** it upward.

Trường hợp tổ hợp 4 phụ âm cuối âm tiết

/-lpts/ sculpts

He **sculpts** human figures.

/-ksθs/ sixths Cut into **sixths** now.

/-ntθs/ thousandths

Two **thousandths** is small.

4.2.2. Lựa chọn nghiệm viên

Nghiên cứu tập trung vào việc phát âm tổ hợp phụ âm tiếng Anh của người Mỹ bản ngữ Anh và người Việt có trình độ tiếng Anh C1 (theo CEFR). Các phát âm của người bản ngữ được sử dụng để đối chiếu là các phát âm của người New York sử dụng tiếng Anh Mỹ (Standard/General American English). Phát âm Anh Mỹ được coi là phát âm tiêu chuẩn của đại đa số người Mỹ. Khi so sánh với phát âm Anh Anh (Received Pronunciation/BBC Pronunciation), biến thể này được sử dụng rộng rãi hơn do số lượng người dùng lớn hơn và độ phủ sóng cũng rộng khắp hơn. Trong khoảng 350 triệu người bản ngữ, tiếng Anh Mỹ được 70% số người sử dụng [10]. Tiếng Anh Mỹ là tiếng được sử dụng bởi đại đa số dân Mỹ, đặc biệt là các bang ở Đông Bắc và Đông Nam. Đây cũng là ngôn ngữ của truyền hình, nên còn được biết đến với cái tên Network English/Network Standard [13].

Nghiệm viên người Việt được lựa chọn là những người Việt sử dụng phương ngữ Bắc Bộ. Phương ngữ này được hiểu là

phương ngữ vùng Hà Nội và các tỉnh xung quanh cùng với phương ngữ miền hạ lưu Sông Hồng và ven biển. Mặc dù phương ngữ này được lấy làm phương ngữ chuẩn cho các phát thanh viên trên Đài Truyền hình Quốc gia, một điều dễ nhận thấy là ở đa số các phương ngữ Bắc hiện nay, tiêu biểu là phương ngữ Hà Nội, đã mất đi dãy phụ âm tiền ngạc với chữ viết là *tr*, *gi*, *s*, và phụ âm rung *r* [6].

Các nghiệm viên người Việt tham gia vào nghiên cứu gồm cả nam và nữ, tuổi đời từ 25 đến 40, sử dụng phương ngữ Bắc Bộ, có tiếng Anh ở trình độ C1. Một nửa số người đạt trình độ C1 này đã dành ít nhất 1,5 năm học ở nước ngoài và đã đạt 6.5 IELTS (học thuật) trở lên hoặc tương đương (95 TOEFL IBT hoặc 67 PTE học thuật trở lên) - trình độ tối thiểu để được nhận vào chương trình thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở nước ngoài. Số nghiệm viên còn lại cũng là những người có trình độ C1 nhưng chỉ học ở trong nước. Các nghiệm viên này là giáo viên dạy tiếng Anh ở các trường trung học phổ thông, đại học và cao đẳng, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cũng như quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo viên ở bậc học này cần có trình độ ít nhất là bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương C1 CEFR). Trình độ C1 (bậc 5 theo CEFR) được lựa chọn do nghiên cứu tập trung vào đối tượng người sử dụng tiếng Anh trong công việc và cuộc sống hàng ngày. Người có khả năng dùng ngoại ngữ ở trình độ C1 có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.

Tất cả các nghiệm viên đều có trình độ học vấn từ thạc sĩ trở lên. Các nghiệm viên này đều đang công tác tại các cơ quan nhà nước như các Bộ, ngành; hoặc làm ở các tổ

chức phi chính phủ như Hội Chữ thập đỏ Quốc tế, Hội Trăng lưỡi liềm đỏ Quốc tế,... Tất cả các nghiệm viên đều sử dụng tiếng Anh trong công việc hàng ngày của mình, tuy cũng có sự phân cấp về thời gian sử dụng ngôn ngữ này trong công việc. Do đòi hỏi của công việc, một số nghiệm viên sử dụng tiếng Anh với tần suất khá cao, thường xuyên trên 5 tiếng 1 ngày (tương đương với 2/3 thời gian làm việc 8 tiếng mỗi ngày) như các cán bộ ở một số vị trí trong các Bộ, ngành; các giảng viên đại học hoặc các điều phối viên ở các tổ chức phi chính phủ. Số còn lại có thời gian sử dụng tiếng Anh khá hạn chế, như giáo viên ở các trường trung học phổ thông, hoặc một số vị trí khác trong các cơ quan nhà nước.

Ngoài ra, có 12 nghiệm viên người Mỹ, sử dụng tiếng Anh tiêu chuẩn của người Mỹ (Standard/General American English). Biến thể ngôn ngữ này dựa vào tiếng Anh của tầng lớp trên, có giáo dục ở các vùng North Midland, Western New England và các khu vực phía Đông nước Mỹ. Trong các khu vực này, tiếng Anh New York (New York City English/Metropolitan New York English) là phát âm phổ biến và dễ nhận biết nhất tại Bắc Mỹ [15].

Để đảm bảo yêu cầu bảo mật thông tin cá nhân, danh tính của các nghiệm viên được bảo mật dưới dạng mã hóa. Các nhóm nghiệm viên này được chia thành 5 nhóm nhỏ, dựa theo nơi đào tạo và thời lượng sử dụng tiếng Anh trong ngày (Xem bảng 4.2).

4.2.3. Cách ghi âm

Các phát ngôn được ghi âm bằng máy ghi âm số ZOOM H2n Handy Recorder. Đây là máy ghi âm chuyên dụng có thể ghi lại âm thanh trong hai loại tệp cơ bản khác nhau: .wav và .mp3. Tuy nhiên, nghiên cứu này sử dụng dạng tệp .wav do định dạng

Bảng 4.2. Thông tin miêu tả các nhóm nghiệm viên

Nhóm	Nghiệm viên	Đặc điểm
1	EM01, EF02, EM03, EF04, EF05, EM06, EF07, EF08, EF09, EM10, EF11, EF12	sinh ra ở Mỹ, bố mẹ đều sinh ra ở Mỹ, chưa có thời gian ra nước ngoài hoặc tiếp xúc với một ngôn ngữ nào khác quá 2 tháng
2	VM10, VM11, VF28, VF31, VF36, VF37, VM38, VM39, VM41 VF44, VM45, VF48	học ở nước ngoài về, có thời gian sử dụng tiếng Anh nhiều (từ 5 tiếng/ngày trở lên)
3	VM09, VM12, VM13, VM14, VM15, VM16, VM17, VF18, VM40, VM42, VM43, VF46	học ở nước ngoài về, có thời gian sử dụng tiếng Anh ít (từ 5 tiếng/ngày trở xuống)
4	VF03, VF04, VF19, VF20, VF26, VF27, VF30, VF32, VF33, VF34, VF35, VF47	học ở trong nước, có thời gian sử dụng tiếng Anh nhiều (từ 5 tiếng/ngày trở lên)
5	VF01, VF02, VF05, VF06, VM07, VF08, VF21, VF22, VF23, VF24, VF25, VF29	học ở trong nước, có thời gian sử dụng tiếng Anh ít (từ 5 tiếng/ngày trở xuống)

này không bị nén, có nghĩa là tất cả các tín hiệu được ghi lại chứ không có bất kỳ dữ liệu nào bị xóa. Ghi âm bằng định dạng .mp3 tuy nhỏ gọn và dễ dàng tải lên tải xuống hơn định dạng .wav, nhưng sẽ bị nén, đồng nghĩa với việc một số thông số ngữ âm có thể không được lưu. Các tệp .wav được ghi lại bởi H2N có thể là 16 hoặc 24 bit, với tỉ lệ lấy mẫu là 44,1; 48 hoặc 96kHz và tự động đóng dấu thời gian, làm cho chúng phù hợp với định dạng dạng phát sóng (BWF - Broadcast Wave Format). Điều này đặc biệt quan trọng vì nó cho phép đồng bộ hóa chính xác trong quá trình xử lý tệp ghi âm sau này.

Các nghiệm viên được mời vào phòng kín, xem trước bảng từ trước khi ghi âm. Khi ghi âm, các nghiệm viên cầm máy ghi âm có lớp bao bọc tiếng ồn để trước miệng, cách miệng khoảng 10 đến 20 cm, tạo góc 45 độ. Các nghiệm viên được lên lịch ghi âm tùy theo điều kiện thời gian và công việc. Mỗi nghiệm viên được đưa bảng từ trước khi ghi âm và được yêu cầu phát âm một cách chậm rãi 03 lần với mỗi từ đơn lẻ,

trong khi với từ trong ngữ lưu các nghiệm viên chỉ đọc 01 lần trong điều kiện không gian tương đối yên tĩnh.

4.2.4. Xử lý tư liệu ghi âm

Việc xử lý tư liệu ghi âm bằng cảm thụ thính giác được tiến hành theo 2 bước, quan sát trực tiếp khi nghiệm viên ghi âm và nghe lại sau khi ghi âm. Các nghiệm viên được mời vào ghi âm tại một phòng kín, có thể được cách âm, ít tiếng ồn, đường nền tín hiệu âm thanh tương đối nhỏ, không ảnh hưởng đến thông số âm học tín hiệu âm thanh (nguyên âm, phụ âm) khi nghe lại hoặc phân tích bằng máy tính. Tác giả trực tiếp ngồi đối diện, quan sát nghiệm viên phát âm và ghi chép các thông tin về khẩu hình, biến thể lệch chuẩn (nếu có). Việc quan sát này đặc biệt quan trọng vì nhà nghiên cứu có thể nhận thấy khá rõ các phương thức cấu âm thể hiện trong từng phát âm. Khi kết thúc ghi âm, các nghiệm viên có thể được phỏng vấn thêm về quá trình học ngoại ngữ, các khó khăn trong phát âm phụ âm,... với mục đích bổ sung thông tin và lý giải các nguyên nhân tạo

nên các biến thể. Thông tin về nghiệm viên được lưu thành các phiếu.

Sau đó, các phát âm lại tiếp tục được nghe lại nhiều lần để kiểm tra, ghi lại các biến thể. Việc kết hợp quan sát trực tiếp và nghe lại nhiều lần sẽ giúp quyết định được độ phù hợp với chuẩn của các phát âm ở nghiệm viên.

Các file ghi âm được gỡ dưới dạng stereo và chuyển đổi sang dạng mono trước khi phân tích. Với mỗi file ghi âm, phần mềm Praat được sử dụng để cắt thành các file từ đơn lẻ và từ trong câu. Với từ đơn lẻ, từng lần phát âm được lần lượt ký hiệu từ 1 đến 3, tương ứng với 3 lần phát âm. Các tư liệu ghi âm được sẽ được nghe lại và xác định các biến thể phát âm bằng cảm thụ thính giác. Sau đó, kết quả có được bằng cảm thụ thính giác sẽ được tiến hành đối chiếu với kết quả từ các phần mềm phân tích tiếng nói để đo cường độ, trường độ cho từng trường hợp rồi đi đến kết luận mức độ lệch chuẩn của các nghiệm viên.

Việc xác định đặc điểm cách phát âm tổ hợp phụ âm tiếng Anh ở người Việt dựa trên cơ sở dữ liệu số hóa là các file âm thanh (định dạng .wav) ghi lại cách phát âm (utterance) các đối tượng phát âm theo bảng từ điều tra. 60 nghiệm viên (12 người Mỹ và 48 người Việt) phát âm 5.040 từ tách rời (3.780 phát âm) và trong câu (1.260 phát âm), mỗi từ đọc 3 lần.

4.3. Phương pháp đối chiếu

Phương pháp đối chiếu cách phát âm của người Việt với cách phát âm chuẩn tiếng Anh của người bản ngữ (trong nghiên cứu này là giọng New Yorker của Anh Mỹ) được sử dụng để tìm các biến thể phát âm tổ hợp phụ âm tiếng Anh của người Việt.

4.4. Thủ pháp thống kê

Bên cạnh các phương pháp trên, trong

quá trình thực hiện nghiên cứu, một số thủ pháp thống kê đã được sử dụng để thống kê, mô tả, phân loại, qua đó đưa ra các kết quả minh chứng cho các luận điểm trong từng phần của nghiên cứu.

5. Kết quả khảo sát

Bằng những phương pháp như trên, nghiên cứu rút ra được những kết quả cụ thể về cách người Việt phát âm tổ hợp phụ âm tiếng Anh đơn lẻ và trong ngữ lưu, các thông số về trường độ, cường độ, các biến thể phát âm và tỉ lệ phát âm lệch chuẩn của các tổ hợp phụ âm trong phát âm tiếng Anh của các nhóm nghiệm viên người Việt. Giả thuyết nghiên cứu đưa ra là sự lệch chuẩn giữa các nhóm nghiệm viên sẽ không đồng đều, nên nghiên cứu này khảo sát và thống kê để có được sự định lượng về tỉ lệ lệch chuẩn trong phát âm. Dưới đây là các số liệu cụ thể.

Với 60 nghiệm viên tham gia khảo sát, số phát âm tổ hợp phụ âm đơn lẻ thu được là 3.780 lần phát âm, số phát âm tổ hợp phụ âm trong ngữ lưu là 1.260 lần phát âm. Tổng số phát âm tổ hợp phụ âm là 5.040 lần phát âm. Các chỉ số cao nhất dùng để chỉ độ gần chuẩn tỉ lệ cao nhất và thấp nhất dùng để chỉ độ gần chuẩn tỉ lệ thấp nhất.

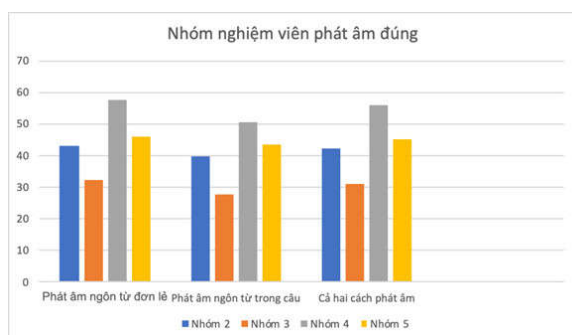
Kết quả khảo sát cho thấy, trong 4 nhóm nghiệm viên, nhóm số 4 (nhóm nghiệm viên học trong nước và có thời gian sử dụng tiếng Anh nhiều) là nhóm có tỉ lệ phát âm gần với người bản ngữ nhất, và nhóm số 3 (nhóm nghiệm viên học ở nước ngoài và có thời gian sử dụng tiếng Anh ít) là nhóm có tỉ lệ phát âm lệch chuẩn cao nhất (*Xem bảng 5.1*).

Đối với các nhóm nghiệm viên trong khảo sát phát âm đúng ngôn từ đơn lẻ, ngôn từ trong câu và cả hai cách phát âm cũng cho thấy sự chênh lệch của cả 4 nhóm.

Bảng 5.1. Bảng so sánh phát âm tổ hợp phụ âm theo nhóm nghiệm viên

	Đúng chuẩn		Lệch chuẩn		Tổng	Ghi chú
	SL	%	SL	%		
Phát âm ngôn từ đơn lẻ	1.352	44,7%	1.672	55,3%	3.024	
Nhóm 2	324	42,9%	432	57,1%	756	
Nhóm 3	245	32,4%	511	67,6%	756	Thấp nhất
Nhóm 4	437	57,8%	319	42,2%	756	Cao nhất
Nhóm 5	346	45,8%	410	54,2%	756	
Phát âm ngôn từ trong câu	407	40,4%	601	59,6%	1.008	
Nhóm 2	100	39,7%	152	60,3%	252	
Nhóm 3	70	27,8%	182	72,2%	252	Thấp nhất
Nhóm 4	127	50,4%	125	49,6%	252	Cao nhất
Nhóm 5	110	43,7%	142	56,3%	252	
Cả hai cách phát âm	1.759	43,6%	2.273	56,4%	4.032	
Nhóm 2	424	42,1%	584	57,9%	1.008	
Nhóm 3	315	31,3%	693	68,8%	1.008	Thấp nhất
Nhóm 4	564	56,0%	444	44,0%	1.008	Cao nhất
Nhóm 5	456	45,2%	552	54,8%	1.008	

Nhóm 4 trong cả 3 cột của biểu đồ đều cho kết quả vượt trội (cột 1: phát âm đúng ngôn từ đơn lẻ chiếm tỉ lệ 57,8%; cột 2: phát âm đúng ngôn từ trong câu là 50,4% và cột 3: cả hai cách phát âm đúng là 56,0%). Tiếp đến thứ tự là các nhóm 2, nhóm 5 và cuối cùng là nhóm 3.



Biểu đồ 5.1. Biểu đồ thể hiện phát âm đúng chuẩn theo nhóm nghiệm viên

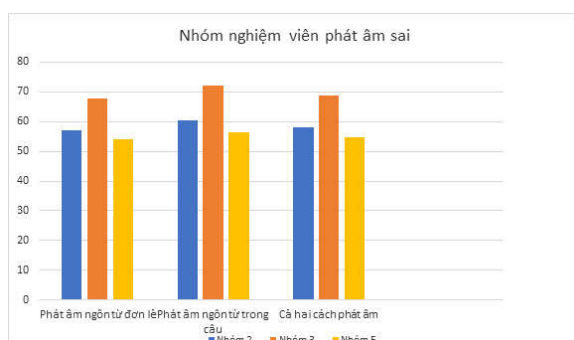
Điều này trái với giả thuyết ban đầu đặt ra là nhóm 5 (nhóm nghiệm viên học ở nước ngoài về và sử dụng tiếng Anh nhiều). Căn

nguyên được cho là do một vài yếu tố như sau:

- Nhóm nghiệm viên số 4 đều là các giảng viên dạy tiếng Anh ở các trường đại học, nên việc chú trọng đến độ chính xác của phát âm sẽ được đề cao hơn. Do ý thức được ảnh hưởng về phát âm của mình đến học viên, nhóm này cũng chú ý đến chi tiết phát âm của phụ âm nói chung và tổ hợp phụ âm nói riêng. Những nghiệm viên trong nhóm này cũng nắm rõ được các vấn đề về phát âm của người học, ví dụ như thói quen lược bỏ phụ âm ở vị trí cuối âm tiết của người Việt, nên càng đặc biệt lưu ý điểm này khi phát âm. Tương tự như thế, nhóm nghiệm viên số 2 là các giáo viên dạy ở các trường trung học phổ thông và các đối tượng không chuyên cũng chú trọng nhiều vào phát âm do đặc thù nghề nghiệp.

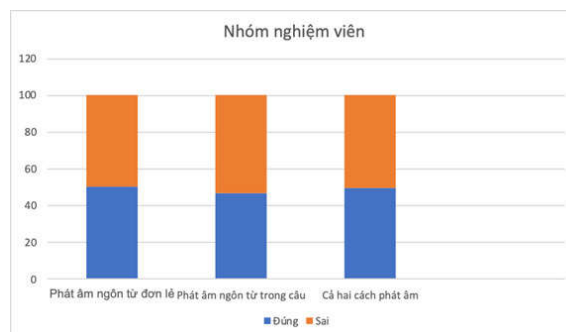
- Nhóm nghiệm viên số 5 có các nơi đào tạo khác nhau, có thể gây ảnh hưởng đến đặc trưng phát âm của từng cá nhân. Những

nơi đào tạo này không chỉ là những nước nói tiếng Anh mà còn là những quốc gia mà tiếng mẹ đẻ là một ngôn ngữ khác. Điều này phần nào đó tạo nên sự lệch chuẩn trong phát âm. Hơn thế nữa, do đặc thù công việc, những nghiệm viên trong nhóm này tập trung nhiều vào tính giao tiếp, độ trôi chảy khi phát ngôn hơn là độ chuẩn xác. Họ cũng chia sẻ về việc đề cao hiệu quả giao tiếp hơn là đi sâu vào việc phát âm chuẩn xác các từ.



Biểu đồ 5.2. Biểu đồ thể hiện phát âm lệch chuẩn theo nhóm nghiệm viên

Lẽ dĩ nhiên, trong đánh giá các nhóm nghiệm viên phát âm sai thì nhóm 3 chiếm tỉ lệ vượt trội hơn cả ở cả ba nội dung (phát âm ngôn từ đơn lẻ, phát âm ngôn từ trong câu và tổng hợp của cả hai cách phát âm đó với tỉ lệ lần lượt là 67,6%, 72,2% và 68,8%); tiếp đến là nhóm 4 với tỉ lệ tương ứng (42,2%, 49,6% và 44,0%). Nguyên nhân của hiện tượng này được cho là do nhóm nghiệm viên này không có yêu cầu quá cao về công việc với việc sử dụng tiếng Anh. Một số nghiệm viên cũng có chia sẻ rằng sau quá trình đào tạo ở nước ngoài, họ không có nhu cầu sử dụng tiếng Anh nhiều trong công việc, thời lượng sử dụng tiếng Anh trong ngày khá ít, nên phần nào ngoại ngữ của họ cũng bị mai một. Hiệu quả giao tiếp với đối tác cũng được coi trọng nhiều hơn.



Biểu đồ 5.3. Biểu đồ thể hiện phát âm đúng chuẩn/ lệch chuẩn theo nhóm nghiệm viên trong phát âm đơn lẻ, phát âm trong ngữ lưu và cả 2 trường hợp

Tổng hợp của các nhóm trong cả hai nội dung thuộc ba cột: phát âm ngôn từ đơn lẻ, phát âm ngôn từ trong câu và cả hai cách phát âm trên biểu đồ cũng cho chúng ta thấy biên độ dao động không lớn, sự chênh lệch giữa phát âm đúng và sai của cả ba nội dung chỉ ở mức biên độ trung bình 46 - 55%. Biên độ dao động này là có thể do những nguyên nhân chính tương tự với các nguyên nhân gây nên sự khác biệt trong phát âm các tổ hợp đầu và cuối âm tiết như đã trình bày ở trên, cụ thể là sự khác biệt trong ý thức của các nghiệm viên ở trình độ cao cấp về phát âm phụ âm ở vị trí cuối âm tiết. Trong quá trình học họ đều được nhấn mạnh và ý thức về lỗi của người Việt khi phát âm thường bỏ mất phụ âm cuối nên ở trình độ cao, dường như hiện tượng này cũng có phần được hạn chế hơn.

6. Kết luận

Có thể nhận thấy rằng, trong nghiên cứu này, việc sinh sống và học tập ở nước ngoài không phải là nhân tố quyết định đến độ chuẩn xác trong phát âm tổ hợp phụ âm ở các nhóm người Việt nói tiếng Anh. Các phân tích sâu hơn ở các nhóm nghiệm viên riêng lẻ sẽ chỉ ra rõ nét hơn những nét khác biệt trong phát âm từng tổ hợp. Việc nắm được thông tin kết quả này sẽ động viên

người học tự tin hơn trong quá trình học tập, cũng như người dạy có động lực trau dồi bản thân để đạt được những kết quả tốt hơn trong dạy và học tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
- [2] Lê Thanh Hòa, *Lỗi phát âm tiếng Anh của sinh viên Việt Nam: Trường hợp sinh viên Đại học Đồng Nai*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016.
- [3] Nguyễn Quang Hồng, “Âm tiết tiếng Việt, chức năng và cấu trúc của nó”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, Số 52, tr.29-36, 1976.
- [4] Bùi Mạnh Hùng, *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.
- [5] Nguyễn Văn Lợi, “Đặc điểm ngữ âm - âm vị học của phụ âm tắc, hữu thanh, thờ trong các ngôn ngữ ở Việt Nam và Đông Nam Á (trên bình diện đồng đại và lịch đại)”, trong *Những vấn đề Ngôn ngữ học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
- [6] Tạ Thành Tấn, *Hệ thống ngữ âm thổ ngữ Phục Lễ - Thủy Nguyên - Hải Phòng*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2014.
- [7] Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.
- [8] Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980.
- [9] Cù Đình Tú, Hoàng Văn Thung, Nguyễn Nguyên Trứ, *Giáo trình tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1972.
- [10] Campbell, K., *The world rushes to speak and write American English*, The Christian Science Monitor, Boston, 1996.
- [11] Catford, J. C., *Phonetics*, Oxford University Press, New York, 1988.
- [12] Corder, S. P., *Error analysis and Interlanguage*, Oxford University Press, 1974.
- [13] Crystal, D., *An Encyclopedic Dictionary of Language and Languages*, Blackwell, 2017.
- [14] Daniel J. et al, *Cambridge English Pronouncing Dictionary*, Cambridge University Press, Cambridge, 2006.
- [15] Labov, W., *The Social Stratification of English in New York City*, Washington DC Center for Applied Linguistics, 1966.
- [16] Ladefoged, P., and Johnson, K., *A course in Phonetics*, Cengage Learning, Wadsworth, 2011.
- [17] McCully, C., *The Sound Structure of English: An Introduction*, Cambridge University Press, Cambridge, 2009.
- [18] McIntosh, C. (Editor), *Cambridge Advanced Learner's Dictionary*, 4th edition, Cambridge University Press, 2013.
- [19] <https://dictionary.cambridge.org/>